| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU PHÚ**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **36**/2021/DS-ST
Ngày: 01/3/2021.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Thái Dương Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đoàn Văn Hiển.
2. Bà Phan Thị Phượng.

***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Cẩm Xuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 200/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2020 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-DS ngày 12/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 02/02/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Thương mại cổ phần K**, trụ sở: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường VTV, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Ông Dương M T, sinh năm 1977, chức vụ: Tổ trưởng tín dụng Ngân hàng TMCP K, chi nhánh An Giang - phòng giao dịch CĐ; Địa chỉ liên lạc: số 26, đường Phan Văn Vàng, phường P B, thành phố CĐ, tỉnh An Giang (Theo giấy ủy quyền số 60/UQ-CNAG ngày 24 tháng 7 năm 2020) (ông T có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn M,** sinh năm 1952 và bà **Lê Thị C,** sinh năm 1962; Cùng nơi cư trú: ấp KB, xã KH, huyện P, tỉnh An Giang. (Ông M, bà C vắng mặt. Riêng ông M có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K – ông Dương M T trình bày như sau:

Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị C có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần K (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) các hợp đồng gồm: Hợp đồng nguyên tắc hạn mức cấp tín dụng số 48/17/HĐHM/1201-2207 ngày 16/3/2017; Hợp đồng tín dụng từng lần số

023/19/HĐTD/1201-7177 ngày 04/01/2019 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng 023) và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 023/19/KUNN.CN ngày 04/01/2019 để vay số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), mục đích vay để bổ sung vốn mua bán tạp hóa, thời hạn vay là 12 tháng, ngày giải ngân là 04/01/2019, ngày đến hạn là 04/01/2020. Thỏa thuận lãi suất cho vay là 13,6%/năm, được điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả là 10%//năm. Hình thức thanh toán là trả lãi hàng tháng và trả vốn gốc cuối kỳ.

Ông M cũng đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 48/17/HĐTC-BĐS/1201-2207 ngày 16/3/2017 để thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất ở nông thôn, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AE311756, số vào sổ H00792kF do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 14/6/2006 cho ông Nguyễn Văn M đứng tên sử dụng, để đảm bảo khoản vay cho hợp đồng tín dụng nêu trên.

Quá trình vay, ông M, bà C đã thanh toán đầy đủ số tiền lãi trong hạn cho Ngân hàng và có trả được số tiền nợ gốc 11.000.000 đồng, còn lại nợ gốc 49.000.000 đồng. Khi hết thời hạn vay, đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn chưa trả hết số tiền nợ gốc còn lại nên đã chuyển sang nợ quá hạn. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông M và bà C cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ vốn, lãi còn lại cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp ông M, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hoặc khi bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ông Nguyễn Văn M có lời khai trình bày, ông và vợ ông là bà Lê Thị C có ký Hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng TMCP K số tiền 60.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn mua bán tạp hóa. Do làm ăn thất bại, buôn bán không được nên bà C đã đi Bình Dương làm thuê hơn một năm nay, chỉ còn mình ông sống trong nhà, không làm ra tiền nên không có khả năng trả hết số nợ cho Ngân hàng đúng hạn. Ông thừa nhận vẫn còn nợ Ngân hàng K số tiền gốc 49.000.000 đồng và số tiền lãi như Ngân hàng trình bày, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông xin gia hạn thời gian trả nợ hoặc xin đáo hạn lại khoản nợ.

Ông Nguyễn Văn M có đơn xin miễn giảm tiền án phí và đơn xin vắng mặt. Bà Lê Thị C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, được biết hiện diện tích đất này ông M đang quản lý, sử dụng và sinh sống trên đất.

Tòa án cũng đã tiến hành mở phiên hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

***Tại phiên tòa*:**

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông T trình bày: Ngân hàng vẫn giữ ý kiến về việc thỏa thuận vay tiền của ông M, bà C với Ngân hàng như đơn khởi kiện đã nêu. Tuy nhiên vào ngày 05/02/2021, bị đơn ông M có trả thêm được cho Ngân hàng số tiền gốc 12.000.000 đồng, tiền lãi 6.586.126 đồng nên số tiền nợ gốc còn lại là 37.000.000 đồng. Tính từ ngày 06/02/2021 đến ngày xét xử 01/3/2021, số tiền lãi phát sinh là 475.627 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông M, bà C trả số tiền nợ gốc còn lại là 37.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 01/3/2021 là 475.627 đồng và yêu cầu ông M,

bà C trả lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 02/3/2021 trên số tiền dư nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết số tiền nợ. Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ hoặc kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

Do bị đơn đã trả một phần số tiền so với yêu cầu khởi kiện ban đầu nên nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 12.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày 05/02/2021 là 6.586.126 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, do nguyên đơn đã nộp xong nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn có trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

- Bị đơn ông M, bà C vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến về trình tự, thủ tục tố tụng trong vụ án và nêu quan điểm giải quyết vụ án:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Riêng về Thông báo thụ lý vụ án, Tòa án gửi cho Viện kiểm sát trễ hạn so với quy định, cần rút kinh nghiệm. Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng K với ông M, bà C được ký kết trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc khi đến hạn nên số tiền nợ chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 116, 385, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vốn, lãi còn lại tính đến ngày 01/3/2021 là 37.475.627 đồng và trả lãi phát sinh kể từ ngày 02/3/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 12.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 05/02/2021 là 6.586.126 đồng do bị đơn đã trả xong số tiền này nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 12.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 05/02/2021 là 6.586.126 đồng.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng K với ông M, bà C được ký kết trên cơ sở tự nguyện, có công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao dịch. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng dân sự – hợp đồng tín dụng; bị đơn ông M, bà C có địa chỉ cư trú tại ấp KB, xã KH, huyện P, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông ông M có đơn xin vắng mặt, bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung vụ án:**

[2.1] Do có nhu cầu bổ sung vốn mua bán tạp hóa nên bị đơn ông M, bà C đã ký với nguyên đơn Ngân hàng TMCP K hai hợp đồng tín dụng gồm: hợp đồng nguyên tắc hạn mức cấp tín dụng số 48/17/HĐHM/1201-2207 ngày 16/3/2017 và hợp đồng tín dụng từng lần số 023/19/HĐTD/1201-7177 ngày 04/01/2019 để vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, ngày đến hạn là 04/01/2020, lãi suất cho vay là 13,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả là 10%//năm. Hình thức thanh toán là trả lãi hàng tháng và trả vốn gốc cuối kỳ.

Xét thấy hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng K với ông M, bà C được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, nội dung và hình thức không vi phạm điều pháp luật cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 116, 117, 119, 385, 463 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 14, khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 94 của Luật các Tổ chức tín dụng, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong hợp đồng. Bị đơn ông M cũng thừa nhận ông và bà C có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng K để vay số tiền 60.000.000 đồng và còn nợ số tiền gốc là 49.000.000 đồng như ngân hàng đã khởi kiện, nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên không thể trả nợ đúng hạn cho ngân hàng.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, làm phát sinh nợ quá hạn, sau đó bị đơn có trả thêm cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 12.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 05/02/2021 là 6.586.126 đồng nên tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu ông M, bà C cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc, lãi còn lại cho Ngân hàng tính đến ngày 01/3/2021 tổng cộng là 37.475.627 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 37.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính từ ngày 06/2/2021 đến ngày 01/3/2021 là 475.627 đồng và yêu cầu ông M, bà C tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 02/3/2021 cho đến khi trả hết số nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, 351, 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 12.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày 05/02/2021 là 6.586.126 đồng do bị đơn đã trả xong số tiền này. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 12.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày 05/02/2021 là 6.586.126 đồng.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 48/17/HĐTC-BĐS/1201-2207 ngày 16/3/2017, xét thấy các bên ký kết đều trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có công chứng và có đăng ký giao dịch đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 119, 317, 318, 319, 500 của Bộ luật dân sự 2015 và khoản 3 Điều 188 Luật đất đai 2013 và điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số: 83/2010/NĐ-CP, ngày 23/7/2010 của Chính Phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, trường hợp bị đơn không trả đầy đủ số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký nêu trên để đảm bảo thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ý kiến trình bày của ông M, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có khả năng trả một lần, ông xin gia hạn thời gian trả nợ nhưng tại phiên tòa không được đại diện Ngân hàng đồng ý, do đó không có cơ sở xem xét gia hạn thời gian trả nợ của ông M, theo đó về thời gian và phương thức trả nợ, các bên có thể tự thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án.

[2.2] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về chi phí tố tụng:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do nguyên đơn đã tạm ứng đủ. Căn cứ vào Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Tuy nhiên nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 500.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.238.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2019/0003606 ngày 14/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Bị đơn ông M, bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nợ có nghĩa vụ phải trả. Tuy nhiên ông M là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm tiền án phí nên căn cứ theo quy định của pháp luật, ông M thuộc trường hợp được miễn nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà C phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 936.891 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 323, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;*

*Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;*

*Căn cứ Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị C trả số tiền nợ gốc 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)* và số tiền nợ lãi tính đến ngày 05/02/2021 là 6.586.126 đồng *(Sáu triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn một trăm hai mươi sáu đồng)*.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị C:

- Buộc ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tổng số tiền vốn, lãi tính đến ngày 01/3/2021 là *37.475.627 đồng (Ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm hai mươi bảy đồng)*, trong đó số tiền nợ gốc là 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng), số tiền lãi tính từ ngày 06/02/2021 đến ngày 01/3/2021 là 475.627 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm hai mươi bảy đồng).

- Ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị C còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc 37.000.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từng lần số 023/19/HĐTD/1201-7177 ngày 04/01/2019 mà các bên đã ký kết kể từ ngày 02/3/2021 cho đến khi trả xong hết số tiền nợ.

- Trường hợp bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị C không trả hoặc trả không đủ toàn bộ số tiền nợ nêu trên hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thương mại cổ phần K được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 48/17/HĐTC-BĐS/1201-2207 ngày 16/3/2017 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với ông M, bà C để đảm bảo thi hành án.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị C phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Văn M được miễn nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Lê Thị C phải chịu số tiền 936.891 đồng (Chín trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.238.000 đồng (Một triệu hai trăm ba mươi tám ngàn đồng) mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2019/0003606 ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Viện kiểm sát ND HCP;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- Thi hành án DS HCP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Thái Dương Thùy Dung**